

K/C PNY
[Signature]

trị kinh
[Signature]

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 26881
	Già: Ngày 16 tháng 8 năm 11

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 41
8. Phụ lục	42 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301116791 (số cũ là 059080) ngày 01 tháng 11 năm 1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	1.000.000.000.000 VND
Số cổ phiếu	100.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 VND/cổ phiếu

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ	: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại	: (84-8) 38 236 236
Fax	: (84-8) 38 235 236
E-mail	: info@gemadept.com.vn
Mã số thuế	: 0 3 0 1 1 1 6 7 9 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	Số 108 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 1, đường Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
- Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
- Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
- Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
- Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
- Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan;
- Trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do thị trường chứng khoán giảm sút mạnh, khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trích lập trong kỳ khoảng 101,3 tỷ VND và chi phí lãi vay tăng. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh vận tải trong kỳ gặp nhiều khó khăn.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 41).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	5.664.248.049 VND
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.664.248.049 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.062.796.878 VND
- Chia cổ tức	60.000.000.000 VND
Cộng:	80.391.292.976 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Quang	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 8 năm 2011



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0771/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADPET**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2011, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



[Signature]

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

[Signature]

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.845.461.450.754	1.855.442.610.254
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	168.927.809.604	261.855.538.610
1.	Tiền	111		157.627.809.604	93.268.741.558
2.	Các khoản tương đương tiền	112		11.300.000.000	168.586.797.052
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		727.062.109.940	782.752.507.716
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	851.381.602.131	857.998.023.712
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(124.319.492.191)	(75.245.515.996)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		826.545.991.461	658.722.296.318
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	318.282.002.301	279.714.658.775
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	85.641.423.788	87.232.620.572
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	423.451.624.694	292.604.076.293
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(829.059.322)
IV.	Hàng tồn kho	140		45.544.543.646	31.494.976.403
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	45.544.543.646	31.494.976.403
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		77.380.996.103	120.617.291.208
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	10.440.083.311	7.559.556.079
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		430.897.881	171.485.354
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	10.478.082.343	9.851.020.124
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	56.031.932.568	103.035.229.651

41020
CÔ
RÁCH N
KIỂM
TƯ
VỊ T

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		3.016.488.129.242	2.911.294.385.724
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		37.023.744.947	37.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		23.744.947	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218	V.12	37.000.000.000	37.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		749.873.585.234	716.719.399.884
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.13	688.685.969.249	656.854.093.556
Nguyên giá		222		1.174.805.685.125	1.107.465.742.961
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(486.119.715.877)	(450.611.649.405)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224	V.14	5.284.479.960	7.266.838.830
Nguyên giá		225		23.890.768.666	23.890.768.666
Giá trị hao mòn lũy kế		226		(18.606.288.706)	(16.623.929.836)
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.15	14.318.127.567	14.935.179.723
Nguyên giá		228		17.104.321.171	17.104.321.171
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(2.786.193.604)	(2.169.141.448)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.16	41.585.008.458	37.663.287.775
III. Bất động sản đầu tư		240	V.17	245.148.210.081	251.094.268.173
Nguyên giá		241		279.448.439.795	279.448.439.795
Giá trị hao mòn lũy kế		242		(34.300.229.714)	(28.354.171.622)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		1.935.696.392.379	1.858.666.120.194
1. Đầu tư vào công ty con		251	V.18	939.984.944.122	936.984.944.122
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	V.19	309.669.472.143	309.669.472.143
3. Đầu tư dài hạn khác		258	V.20	813.110.187.570	686.801.844.885
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	V.21	(127.068.211.456)	(74.790.140.956)
V. Tài sản dài hạn khác		260		48.746.196.601	47.814.597.473
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.22	6.398.049.481	8.922.750.353
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác		268	V.23	42.348.147.120	38.891.847.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		4.861.949.579.996	4.766.736.995.978

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		1.429.878.969.940	1.256.398.181.305
I. Nợ ngắn hạn		310		923.816.781.689	750.668.286.436
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.24	469.371.801.662	320.247.600.198
2. Phải trả người bán		312	V.25	132.366.202.418	111.740.232.090
3. Người mua trả tiền trước		313	V.26	3.980.503.498	4.540.635.640
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.27	10.398.702.349	4.657.817.782
5. Phải trả người lao động		315	V.28	4.697.716.403	14.914.367.746
6. Chi phí phải trả		316	V.29	6.591.125.237	14.081.299.436
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.30	285.372.574.891	273.810.520.210
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323	V.31	11.038.155.231	6.675.813.335
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
II. Nợ dài hạn		330		506.062.188.251	505.729.894.869
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	V.32	23.443.535.203	22.966.486.155
4. Vay và nợ dài hạn		334	V.33	481.784.045.000	481.784.045.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		547.283.314	547.283.314
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	IV.14	287.324.734	432.080.400
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		3.432.070.610.056	3.510.338.814.672
I. Vốn chủ sở hữu		410		3.432.070.610.056	3.510.338.814.672
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	V.34	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.34	2.169.160.586.400	2.169.160.586.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	V.34	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	V.34	29.429.404.912	23.765.156.863
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	V.34	26.315.340.005	20.651.091.956
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	V.34	137.776.895.837	227.373.596.551
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		4.861.949.579.996	4.766.736.995.978

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		519.867.556	519.867.556
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		671.748,64	424.929,75
Euro (EUR)		5.450,97	297,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	676.734.003.309	716.601.914.152
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	676.734.003.309	716.601.914.152
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	648.596.512.119	657.334.142.170
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.137.491.190	59.267.771.981
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	146.147.227.429	73.954.335.787
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	164.774.390.477	61.508.455.933
Trong đó: chi phí lãi vay	23		32.955.357.640	25.326.463.795
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.244.595.998	341.368.219
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	29.660.382.686	31.005.771.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(22.394.650.543)	40.366.512.440
11. Thu nhập khác	31	VI.7	27.986.321.857	44.009.566.392
12. Chi phí khác	32	VI.8	10.838.846.185	6.111.887.541
13. Lợi nhuận khác	40		17.147.475.672	37.897.678.851
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.247.174.870)	78.264.191.291
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.27	3.958.232.868	10.459.929.849
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(1.954.158.206)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(9.205.407.738)	69.758.419.648
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011


 Trương Như Nguyên
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5.247.174.870)	78.264.191.291
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13;V.14;V.15;V.17	49.022.278.709	47.054.563.300
- Các khoản dự phòng	03	V.3;V.21	101.352.046.694	(7.207.614.440)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(8.303.643.751)	10.569.755.190
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.4;VI.7;VI.8	(120.347.165.882)	(77.726.249.214)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	32.955.357.640	25.326.463.795
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.431.698.540	76.281.109.922
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(117.476.802.960)	(55.169.980.337)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14.049.567.244)	(1.888.958.012)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(51.519.481.413)	3.028.355.393
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(355.826.360)	175.565.317
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.29;VI.4	(37.712.045.821)	(24.580.567.706)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.27	(3.180.196.240)	(11.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		87.992.776.728	9.226.576.691
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(20.447.253.594)	(8.808.336.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(107.316.698.364)	(12.736.235.233)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13;V.16	(86.743.023.605)	(9.046.540.786)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7;VII	36.125.001.817	132.769.347
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(164.895.601.850)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		178.514.916.611	199.399.832
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(152.408.342.686)	(155.501.023.373)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.132.190.132	133.859.344.293
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6;VI.3	52.688.505.915	30.906.765.182
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(134.586.353.666)	550.714.495

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	30.637.500.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.24	337.055.007.127	205.346.940.113
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.24	(188.494.403.815)	(206.619.595.997)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.24	(2.992.176.207)	(3.063.055.415)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		145.568.427.105	25.301.788.701
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(96.334.624.925)	13.116.267.963
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	261.855.538.610	92.732.327.324
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.406.895.919	(897.443.631)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	168.927.809.604	104.951.151.656

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
 - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan;
 - Trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm khác từ cao su.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 Công ty có 349 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 344 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do thị trường chứng khoán giảm sút mạnh, khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trích lập trong kỳ khoảng 101,3 tỷ VND và chi phí lãi vay tăng. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh vận tải trong kỳ gặp nhiều khó khăn.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 01% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
30/6/2011 : 20.618 VND/USD

20. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.777.565.229	4.582.889.224
Tiền gửi ngân hàng	152.850.244.376	88.631.079.443
Tiền đang chuyển	-	54.772.891
Các khoản tương đương tiền (*)	11.300.000.000	168.586.797.052
Cộng	168.927.809.604	261.855.538.610

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	745.534.485.891	759.682.317.096
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	105.847.116.240	98.315.706.616
Cộng	851.381.602.131	857.998.023.712

(*) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt là 45.050.604.000 VND được đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh (xem thuyết minh V.24).

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	75.245.515.996
Trích lập dự phòng bổ sung	49.073.976.195
Số cuối kỳ	124.319.492.191

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động đại lý tàu biển	6.931.150.695	3.314.876.327
Hoạt động khai thác vận tải	243.736.910.464	198.750.549.547
Dịch vụ cho thuê tài sản	4.962.510.682	18.003.934.480
Dịch vụ khai thác cảng, bãi container và các dịch vụ khác	62.651.430.460	59.645.298.421
Cộng	318.282.002.301	279.714.658.775

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	40.465.592.210	38.000.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	2.439.862.367	34.179.996.948
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sài Gòn Xanh	10.130.000.000	6.848.000.000
Công ty tư vấn xây dựng cảng đường thủy	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty TNHH một thành viên Ba Sơn	9.636.944.554	-
Các nhà cung cấp khác	21.719.024.657	6.954.623.624
Cộng	85.641.423.788	87.232.620.572

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	25.329.796.085	13.825.077.091
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.500.000.000	3.500.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	310.996.933.536	236.160.669.987
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh	65.000.000.000	83.000.000.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	52.500.000.000	49.000.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	143.411.520.493	38.509.465.984
Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp V.N.M	18.946.000.000	18.946.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	7.247.708.536	7.765.231.397
Gemadept (Singapore) Ltd.	15.388.946.549	11.855.467.796
Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ	-	13.806.272.000
Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	8.502.757.958	13.278.232.810
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.357.505.823	9.260.618.700
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	12.007.713.863	6.234.829.842
Các khoản phải thu khác	17.259.675.387	23.622.880.673
Grand Atlantic Shipping	-	8.192.514.219
Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.921.351.535	4.921.351.535
Các khoản phải thu khác	12.338.323.852	10.509.014.919
Cộng	423.451.624.694	292.604.076.293

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần biển Nam Á	333.125.000	333.125.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyên Trân	190.500.000	190.500.000
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	14.091.000	14.091.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000
Công ty dầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566
Ông Nguyễn Đức Hùng (Chi nhánh Hà Nội)	140.112.750	140.112.750
Cộng	829.059.322	829.059.322

8. Hàng tồn kho

Nhiên liệu tồn trên tàu.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tàu	4.922.833.533	4.246.532.992
Chi phí bảo hiểm	2.711.331.502	2.082.876.829
Chi phí thuê tàu	2.168.676.541	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	637.241.735	1.230.146.258
Cộng	10.440.083.311	7.559.556.079

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	10.163.400.532	9.851.020.124
Các loại thuế khác	314.681.811	-
Cộng	10.478.082.343	9.851.020.124

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	27.823.319.932	16.205.159.446
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.208.612.636	86.830.070.205
Cộng	56.031.932.568	103.035.229.651

12. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	37.000.000.000	37.000.000.000

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm trang 42.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được xác định.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ.

14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài chính 80 containers của Seacastle Container Leasing, thời hạn 5 năm.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	23.890.768.666	16.623.929.836	7.266.838.830
Tăng trong kỳ	-	1.982.358.870	-
Số cuối kỳ	23.890.768.666	18.606.288.706	5.284.479.960

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.352.483.410	9.751.837.761	17.104.321.171
Số cuối kỳ	7.352.483.410	9.751.837.761	17.104.321.171
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	2.169.141.448	2.169.141.448
Khấu hao trong kỳ		617.052.156	617.052.156
Số cuối kỳ	-	2.786.193.604	2.786.193.604
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.352.483.410	7.582.696.313	14.935.179.723
Số cuối kỳ	7.352.483.410	6.965.644.157	14.318.127.567
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	9.395.025.911	79.547.393.402	(75.625.672.719)	13.316.746.594
XDCB dở dang	28.268.261.864	-	-	28.268.261.864
- Đầu tư quy hoạch khu bắc Rạch Chiếc, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	20.746.655.945	-	-	20.746.655.945
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	-	-	2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-	-	3.658.444.173
- Các dự án khác	1.168.682.655	-	-	1.168.682.655
Cộng	37.663.287.775	79.547.393.402	(75.625.672.719)	41.585.008.458

17. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	28.354.171.622	251.094.268.173
Tăng trong kỳ	-	5.946.058.092	-
Số cuối kỳ	279.448.439.795	34.300.229.714	245.148.210.081

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị thị trường của bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

Thu nhập từ việc cho thuê	46.812.873.147	59.474.635.608
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	16.260.050.802	16.252.936.120
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

Bất động sản đầu tư đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.24).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	73,80	73,80	36.900.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	5.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	9,43	6.600.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	5,00	5,00	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	46,00	46,00	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000
Cộng			939.984.944.122

19. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
MBN-GMD VIETNAM	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	29,00	29,00	32.206.940.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	10,94	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.882.010.000
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	49,00	49,00	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	23,00	23,00	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000
Cộng			309.669.472.143

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	203.374.669.600	203.374.669.600
Đầu tư tài chính dài hạn khác	468.835.517.970	321.827.175.285
Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	140.900.000.000	161.600.000.000
Cộng	813.110.187.570	686.801.844.885

(*) Trong đó, khoản tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh.

21. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	36.792.330.200	36.792.330.200
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	68.677.403.707	21.303.348.530
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	13.426.425.483	11.225.057.453
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư tài chính dài hạn khác	8.172.052.066	5.469.404.773
Cộng	127.068.211.456	74.790.140.956

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	74.790.140.956
Trích lập dự phòng bổ sung	52.278.070.500
Số cuối kỳ	127.068.211.456

22. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí sửa chữa	8.832.114.060	-	(2.523.461.160)	6.308.652.900
Lãi thuê tài chính	90.636.293	-	(74.156.964)	16.479.329
Chi phí khác	-	97.223.000	(24.305.748)	72.917.252
Cộng	8.922.750.353	97.223.000	(2.621.923.872)	6.398.049.481

23. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	824.720.000	757.280.000
Ký quỹ thuê tàu	41.236.000.000	37.864.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	287.427.120	270.567.120
Cộng	42.348.147.120	38.891.847.120

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**24. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	313.303.503.727	63.902.918.144
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	18.803.981.842
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	5.171.348.302
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) ^(a)	40.124.938.148	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 ^(b)	123.254.778.579	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phnom Penh ^(c)	149.923.787.000	39.927.588.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	143.075.792.088	230.000.000.000
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội ^(d)	7.000.000.000	-
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link ^(e)	136.075.792.088	230.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.34)	10.360.000.000	20.720.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	6.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	4.360.000.000	8.720.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.33)	2.632.505.847	5.624.682.054
Cộng	469.371.801.662	320.247.600.198

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động. Khoản này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà tại 108 Lò Đức, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sở hữu Cao ốc văn phòng Trung tâm xúc tiến thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

(c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phnom Penh để đầu tư vào dự án. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hoa Việt.

(d) Khoản vay Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này không có đảm bảo.

(e) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link theo lãi suất quy định trên hợp đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng khác	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	63.902.918.144	330.055.007.127	3.555.774.359	(84.210.195.544)	313.303.504.086
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	230.000.000.000	7.000.000.000	-	(93.924.208.271)	143.075.791.729
Vay dài hạn đến hạn trả	20.720.000.000	-	-	(10.360.000.000)	10.360.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.624.682.054	-	-	(2.992.176.207)	2.632.505.847
Cộng	320.247.600.198	337.055.007.127	3.555.774.359	(191.486.580.022)	469.371.801.662

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**25. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	7.949.900.287	2.406.101.682
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	5.177.682.219	-
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>	305.346.703	305.346.703
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>	1.690.617.479	1.962.065.359
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>	711.681.815	33.396.048
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>	64.572.071	105.293.572
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	124.416.302.131	109.334.130.408
Cộng	132.366.202.418	111.740.232.090

26. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động đại lý tàu biển	3.656.207.134	1.333.062.587
Khách hàng ứng trước cho hoạt động khai thác vận tải	324.296.364	3.207.573.053
Cộng	3.980.503.498	4.540.635.640

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam:**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	12.689.986.952	(8.652.599.050)	4.037.387.902
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.412.199.371	(6.412.199.371)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	-	30.822.633	(31.194.602)	(371.969)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(7.160.652.399)	-	(2.800.000.000)	(9.960.652.399)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		3.958.232.868	(380.196.240)	3.578.036.628
Thuế thu nhập cá nhân (*)	373.516.716	2.448.102.976	(3.135.929.533)	(314.309.841)
Tiền thuê đất	-	235.336.100	(235.336.100)	-
Các loại thuế khác	858.633.961	15.637.990.930	(14.298.219.529)	2.198.405.362
- Thuế môn bài	-	10.000.000	(10.000.000)	-
- Thuế cược	118.161.384	3.489.740.942	(2.946.616.933)	661.285.393
- Thuế nhà thầu	740.472.577	12.138.249.988	(11.341.602.596)	1.537.119.969
Cộng	(5.928.501.722)	41.412.671.830	(35.945.674.425)	(461.504.317)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%

Trong kỳ, thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Công ty bị lỗ nên chưa phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Riêng thu nhập của hoạt động chuyển nhượng bất động sản dự tính phải nộp là 3.958.232.868 VND và không được bù trừ vào lỗ của hoạt động kinh doanh.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ chưa bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho hoạt động đầu tư tại Singapore, Malaysia và Campuchia.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	780.990.247	243.762.497	(439.880.288)	584.872.456
Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	(45.690.867)	45.690.867	(202.748.134)	(202.748.134)
Cộng	735.299.380	289.453.364	(642.628.422)	382.124.322

- (*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ bao gồm khoản chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Campuchia với số tiền là (133.923.388) VND.

- (**) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là khoản điều chỉnh trình bày số dư đầu năm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

28. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**29. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	2.364.088.644	7.120.776.825
Chi phí bốc xếp, lưu kho	1.143.077.967	5.012.734.633
Chi phí nhiên liệu	2.014.447.101	-
Chi phí khác	1.069.511.524	1.947.787.978
Cộng	6.591.125.237	14.081.299.436

30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.083.825.555	1.387.935.076
Kinh phí công đoàn	1.022.343.241	1.452.001.676
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.269.491.602	-
Cổ tức phải trả	60.065.246.600	65.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.231.228.025	1.665.081.440
Doanh thu chưa thực hiện	31.120.519.934	2.785.397.978
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	27.435.133.566	30.744.708.032
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	118.580.367.418	215.336.499.341
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền mượn	10.293.585.975	10.293.585.975
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền mượn và các khoản thu hộ	6.892.844.016	33.006.800.644
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept - tiền mượn và các khoản thu hộ	23.562.093.651	820.662.632
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link – tiền mượn	43.688.509.077	160.000.000.000
- Công ty TNHH dịch vụ vận tải Trường Thọ - tiền mượn	32.393.728.000	-
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	1.749.606.699	11.215.450.090
Các khoản phải trả khác	39.848.177.041	18.657.408.158
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh – tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	27.200.000.000	-
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	3.383.498.464	9.392.729.581
Cộng	285.372.574.891	273.810.520.210

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	6.675.813.335
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	9.062.796.878
Chi quỹ trong kỳ	(4.700.454.982)
Số cuối kỳ	11.038.155.231

32. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	23.443.535.203	22.941.117.275
Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác	-	25.368.880
Cộng	23.443.535.203	22.966.486.155

33. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	84.997.045.000	84.997.045.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ^(a)	72.000.000.000	72.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(b)	12.997.045.000	12.997.045.000
Trái phiếu chuyển đổi ^(c)	396.787.000.000	396.787.000.000
Cộng	481.784.045.000	481.784.045.000

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để mua tàu biển container Great Pride, thời hạn 4 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(c) Công ty đã phát hành 396.787 trái phiếu chuyển đổi không nhận lãi suất (tương đương 396.787.000.000 VND trái phiếu tính theo mệnh giá), thời gian chuyển đổi là 12 tháng kể từ ngày phát hành, giá chuyển đổi cổ phiếu Gemadept là 42.000 VND/cổ phiếu nhằm nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải như sau:

- Phát hành 226.687 trái phiếu để hoán đổi 39.980.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty cổ phần dịch vụ Hòa Bình Xanh.
- Phát hành 170.100 trái phiếu để hóa đổi 30.000.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty TNHH Sông Hằng.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	95.357.045.000	10.360.000.000	60.997.045.000	24.000.000.000
Thuê tài chính	2.632.505.847	2.632.505.847	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	396.787.000.000	396.787.000.000	-	-
Cộng	494.776.550.847	409.779.505.847	60.997.045.000	24.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**34. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 02 đính kèm trang 43.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	47.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	47.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	47.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	47.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	676.734.003.309	716.601.914.152
- <i>Doanh thu dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, khai thác cảng, sửa chữa, khác</i>	609.541.549.352	606.909.096.386
- <i>Doanh thu hoạt động đại lý, giao nhận</i>	20.379.580.810	50.218.182.158
- <i>Doanh thu cho thuê văn phòng</i>	46.812.873.147	59.474.635.608
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	676.734.003.309	716.601.914.152

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, khai thác cảng, khác	619.821.076.873	606.154.614.836
Giá vốn dịch vụ đại lý, giao nhận	12.515.384.444	34.926.591.214
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	16.260.050.802	16.252.936.120
Cộng	648.596.512.119	657.334.142.170

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.827.820.469	409.637.886
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.985.543.730	238.115.038
Lãi tiền gửi ký quỹ	2.728.770.666	-
Lãi cho vay vốn	2.689.959.900	-
Lãi đầu tư chứng khoán	-	14.346.632.310
Cổ tức, lợi nhuận được chia	86.154.002.763	42.687.788.004
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.446.399.679	772.090.986
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.303.643.751	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	11.086.471	15.500.071.563
Cộng	146.147.227.429	73.954.335.787

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	32.955.357.640	25.326.463.795
Chi phí lãi thuê tài chính	74.156.964	192.808.107
Lỗ đầu tư chứng khoán	7.825.716.616	14.588.777.229
Chi phí mua chứng khoán kỳ hạn	1.110.424.445	1.060.046.511
Thanh lý khoản đầu tư vào Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn Sa Pa	267.809.868	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.569.755.190
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.180.656.249	15.325.104.487
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	101.352.046.695	(5.559.297.723)
Chi phí tài chính khác	8.222.000	4.798.337
Cộng	164.774.390.477	61.508.455.933

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.220.486.400	-
Chi phí khác	1.024.109.598	341.368.219
Cộng	2.244.595.998	341.368.219

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	12.051.593.789	14.651.122.915
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	182.962.278	35.085.248
Chi phí đồ dùng văn phòng	195.692.007	126.551.321
Chi phí khấu hao tài sản	4.951.389.694	4.564.087.173
Thuế, phí và lệ phí	940.652.834	59.208.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.109.026.435	9.751.422.848
Chi phí khác	1.229.065.649	1.818.292.783
Cộng	29.660.382.686	31.005.771.176

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	27.624.110.908	40.748.660.256
Các khoản thu nhập khác	362.210.949	3.260.906.136
Cộng	27.986.321.857	44.009.566.392

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	10.567.412.217	5.706.169.165
Các khoản chi phí khác	271.433.968	405.718.376
Cộng	10.838.846.185	6.111.887.541

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	228.489.502.957	204.888.176.142
Chi phí nhân công	42.202.563.420	43.928.350.011
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.465.109.433	47.054.563.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	346.599.624.653	388.634.597.346
Chi phí khác	13.744.690.340	4.175.594.766
Cộng	680.501.490.804	688.681.281.565

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định, xây dựng cơ bản chưa thanh toán	-	681.979.349
Góp vốn vào Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng bằng tài sản	-	1.886.854.850
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	32.115.000.000	40.615.890.909

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.215.335.000	958.014.800
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	54.960.000	24.021.000
Phụ cấp	-	270.000.000
Tiền thưởng	-	84.337.500
Cộng	1.270.295.000	1.336.373.300

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước tại Công ty
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần Cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty OOCL Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty Sinokor Việt Nam	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Cho mượn tiền	3.500.000.000	4.200.000.000
Doanh thu dịch vụ	863.447.298	44.985.525
Chi phí dịch vụ	1.620.374.415	-
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Lãi góp vốn liên doanh	13.000.000.000	14.000.000.000
Cho vay ngắn hạn	-	12.446.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Chi phí vận chuyển	-	57.061.963.103
Chi phí dịch vụ đại lý	1.879.400.892	-
Các khoản phải trả khác	-	145.624.018
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Các khoản chi hộ phải thu	9.870.192.785	14.140.070.065
Chi phí dịch vụ	54.770.691.747	188.718.812.260
Các khoản phải trả do đã được chi hộ mua vật tư, phụ tùng	7.724.265.710	14.448.925.698
Trả tiền chi hộ	-	106.410.284.350
Thu tiền thu hộ	-	136.519.581.533
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội		
Vay ngắn hạn	7.000.000.000	-
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Cho mượn tiền	116.312.180.594	-
Cho thuê tài sản, thanh lý tài sản cố định	24.300.000.000	24.300.000.000
Doanh thu dịch vụ	14.569.659	216.773.730
Chi phí dịch vụ	48.784.652.273	62.851.171.221
Mượn tiền	11.500.000.000	12.900.000.000
Thu hộ phải trả	30.665.120	-
Chi hộ	90.103.915	4.360.040.136
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Chi hộ	-	175.771.592
Doanh thu vận tải	4.763.093.216	2.460.582.376
Chi phí dịch vụ	274.481.432	90.919.340
Các khoản thu hộ phải trả	262.093.651	286.705.648
Các khoản phải trả khác	23.300.000.000	17.000.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept		
Góp vốn đầu tư	-	1.530.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Cho vay	500.000.000	-
Chi phí sửa chữa, xây dựng	-	478.539.490
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Góp vốn bằng tài sản		1.886.854.850
Chi hộ	8.287.421.432	13.043.049.012
Chi phí vận tải, bốc xếp, hoa hồng đại lý	30.450.081.160	36.133.900.048
Mượn tiền	18.700.000.000	21.000.000.000
Thu hộ phải trả	2.244.317.217	-
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê	4.800.000.000	-
Cho vay	6.800.000.000	-
Mượn tiền	53.000.000.000	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Lợi nhuận được chia	51.577.539.263	-
Chi phí dịch vụ	429.978.981	-
Phải trả khác	-	3.000.000.000
Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Góp vốn	3.000.000.000	-
Thu hộ phải trả	7.464.586.101	-
Chi hộ phải thu	777.100.881	-
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Phí giao nhận, bốc xếp phải trả	361.399.789	-
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam		
Doanh thu thực hiện	695.118.994	-
Chi phí dịch vụ	149.573.258	-
Chi hộ	5.784.654.963	-
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Góp vốn đầu tư	-	915.515.816
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Doanh thu vận tải	-	273.195.991
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Góp vốn đầu tư	576.410.476	11.700.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông		
Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	-	20.500.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	2.564.486.886	2.498.751.407
Phí cung cấp dịch vụ	355.870.902	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Cho mượn tiền	52.500.000.000	49.000.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Cho vay ngắn hạn	18.946.000.000	18.946.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Phải thu khách hàng	20.719.921.925	23.468.398.265
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Phải thu khách hàng	122.885.262.695	92.148.677.000
Các khoản chi hộ	15.388.954.312	11.855.467.796
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải thu khách hàng	3.766.063.541	142.991.550
Ứng trước tiền dịch vụ	-	47.507.364.653
Các khoản cho mượn, chi hộ	143.411.520.493	38.509.465.984
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Phải thu khách hàng	1.993.953.642	531.386.150
Các khoản chi hộ, phải thu khác	492.341.800	1.126.454.000
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải thu khách hàng	16.478.469.935	16.217.919.208
Các khoản chi hộ	7.247.708.536	7.765.231.397
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Phải thu khác	4.307.241.273	3.807.241.273
<i>Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ</i>		
Phải thu khác	5.280.000.000	13.806.272.000
<i>Công ty cổ phần Sư Tử Chúa</i>		
Phải thu khách hàng	2.619.418.624	2.615.478.789
<i>Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Phải thu khác	754.852.881	-
Phải thu khách hàng	1.855.125.168	-
<i>Công ty OOCL Việt Nam</i>		
Phải thu khách hàng	2.178.617.671	392.583.750
<i>Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng</i>		
Phải thu khác	300.000.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Lợi nhuận được chia	51.577.539.263	-
Phải thu khác	-	57.300.000
<i>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</i>		
Phải thu khác	60.200.000	1.300.000.000
<i>Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine</i>		
Phải thu khách hàng	4.405.813.411	4.457.122.664
<i>Công ty Sinokor Việt Nam</i>		
Phải thu khách hàng	586.303.757	349.243.905
Cộng nợ phải thu	477.755.308.927	334.004.598.384
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	1.034.868.346	820.062.165

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Các khoản phải trả khác	440.515.419	-
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Các khoản thu hộ tàu, phải trả khác	18.452.903.820	1.492.952.962
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Phải trả phí dịch vụ	5.177.682.219	13.327.367.705
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Phải trả người bán	722.681.815	34.398.000
Phải trả khác	23.562.093.651	845.284.245
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội</i>		
Vay ngắn hạn	7.000.000.000	-
Phải trả khác	-	1.000.000.000
<i>Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept</i>		
Phải trả khác	10.293.585.975	10.293.585.975
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải trả phí dịch vụ	1.361.794.170	1.600.887.668
Các khoản thu hộ phải trả	6.892.844.016	33.032.827.827
<i>Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>		
Phải trả khác	763.825.813	-
Phải trả phí dịch vụ	339.031.258	
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>		
Phải trả người bán tiền thi công	305.346.703	305.346.703
<i>Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ</i>		
Phải trả khác	32.393.728.000	-
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Phải trả phí dịch vụ	134.545.713	105.293.572
<i>Công ty MBN-GMD Việt Nam</i>		
Các khoản phải trả khác	-	1.703.880.000
Cộng nợ phải trả	108.875.446.918	64.561.886.822

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực vận tải: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê tòa nhà Lê Thánh Tôn. Công ty cũng đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Dịch vụ đại lý: Bao gồm dịch vụ đại lý, logistics
- Các bộ phận khác: các lĩnh vực còn lại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực vận tải	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực dịch vụ đại lý	Các lĩnh vực khác	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này					
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	609.168.949.352	46.812.873.147	20.379.580.810	372.600.000	676.734.003.309
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	609.168.949.352	46.812.873.147	20.379.580.810	372.600.000	676.734.003.309
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(14.265.484.977)	30.072.437.613	6.722.851.097	(115.021.724)	22.414.782.009
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(26.182.269.503)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(3.767.487.495)
Doanh thu hoạt động tài chính					146.147.227.429
Chi phí tài chính					(164.774.390.477)
Thu nhập khác					27.986.321.857
Chi phí khác					(10.838.846.185)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.958.232.868)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(9.205.407.738)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	79.992.049.016	77.660.000	92.028.869	10.156.656.677	90.318.394.562
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	42.775.419.448	5.946.058.092	-	3.013.361.334	51.734.838.874
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực vận tải	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực dịch vụ đại lý	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.050.217.310.881	284.387.871.186	104.430.984.414	153.116.965.061	1.592.153.131.542
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.269.796.448.454
Tổng tài sản					4.861.949.579.996
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	427.733.354.890	31.096.937.605	13.205.607.625	-	472.035.900.120
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					957.843.069.820
Tổng nợ phải trả					1.429.878.969.940
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.039.931.739.250	290.209.464.302	60.989.997.467	66.516.673.796	1.457.647.874.815
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.309.089.121.163
Tổng tài sản					4.766.736.995.978
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	70.680.772.046	26.436.145.176	81.125.082.517	19.431.831.004	197.673.830.743
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.058.724.350.562
Tổng nợ phải trả					1.256.398.181.305

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Trong nước	465.563.488.481
Nước ngoài	211.170.514.828
Cộng	676.734.003.309

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	Tài sản bộ phận
Trong nước	90.318.394.562	2.609.731.871.396
Nước ngoài	-	53.026.630.923
Cộng	90.318.394.562	2.662.758.502.319

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Phụ trách kế toán



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	76.358.214.834	106.792.649.915	912.177.760.199	12.137.118.013	1.107.465.742.961	
Tăng trong kỳ	4.060.726.132	67.440.000	78.108.147.959	671.704.869	82.908.018.960	
Mua sắm mới	4.060.726.132	67.440.000	78.034.726.031	658.410.759	82.821.302.922	
Tăng khác	-	-	73.421.928	13.294.110	86.716.038	
Giảm trong kỳ	(14.227.430.816)	-	(188.564.754)	(1.152.081.226)	(15.568.076.796)	
Thanh lý, nhượng bán	(14.227.430.816)	-	(83.564.754)	(1.152.081.226)	(15.463.076.796)	
Giảm khác	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)	
Số cuối kỳ	66.191.510.150	106.860.089.915	990.097.343.404	11.656.741.656	1.174.805.685.125	
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.405.155.674	54.613.711.602	141.953.969.740	5.212.054.016	203.184.891.032	
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	31.992.806.047	78.067.415.571	330.951.051.099	9.600.376.688	450.611.649.405	
Tăng trong kỳ	1.304.797.865	4.055.786.472	34.067.647.039	1.080.499.675	40.508.731.051	
Khấu hao trong kỳ	1.304.797.865	4.055.786.472	34.049.019.689	1.067.205.565	40.476.809.591	
Tăng khác	-	-	18.627.350	13.294.110	31.921.460	
Giảm trong kỳ	(3.660.018.599)	-	(188.564.754)	(1.152.081.226)	(5.000.664.579)	
Thanh lý, nhượng bán	(3.660.018.599)	-	(83.564.754)	(1.152.081.226)	(4.895.664.579)	
Giảm khác	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)	
Số cuối kỳ	29.637.585.313	82.123.202.043	364.830.133.384	9.528.795.137	486.119.715.877	
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	44.365.408.787	28.725.234.344	581.226.709.100	2.536.741.325	656.854.093.556	
Số cuối kỳ	36.553.924.837	24.736.887.872	625.267.210.020	2.127.946.519	688.685.969.248	
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 577.695.752.027 VND và 432.218.141.453 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt và Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn (xem thuyết minh số V.24 và V.33).


Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng


 TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011
Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	475.000.000.000	1.366.907.462.400	69.388.382.902	13.410.665.221	10.296.600.315	151.364.805.484	2.086.367.916.322
Phát hành cổ phiếu	525.000.000.000	802.253.124.000	-	-	-	-	1.327.253.124.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	113.284.960.977	113.284.960.977
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	10.354.491.642	10.354.491.641	(37.276.169.910)	(16.567.186.627)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	2.169.160.586.400	69.388.382.902	23.765.156.863	20.651.091.956	227.373.596.551	3.510.338.814.672
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	2.169.160.586.400	69.388.382.902	23.765.156.863	20.651.091.956	227.373.596.551	3.510.338.814.672
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(9.205.407.738)	(9.205.407.738)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	5.664.248.049	5.664.248.049	(20.391.292.976)	(9.062.796.878)
Số dư cuối kỳ	1.000.000.000.000	2.169.160.586.400	69.388.382.902	29.429.404.912	26.315.340.005	137.776.895.837	3.432.070.610.056

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2011

(Signature)

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

(Signature)

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

